

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  
Bản án số: **23/2021/HSST**  
Ngày: 25/3/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Minh Long**

*Thẩm phán:* Bà **Dương Thị Hồng Minh**

*Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Phi Hùng**

Ông **Đặng Công Thắng**

Bà **Trần Thị Hồng Vân**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 25/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST- HS ngày 01/02/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2021/QĐXXST-HS ngày 12/3/2020 đối với bị cáo:

**MAI XUÂN K**, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1971 tại Quảng Nam; Nơi ĐKKTT và nơi cư trú: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai C (c) và bà Trần Thị H (s); Có vợ là Lê Thị P (đã ly hôn) và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2004; Gia đình bị cáo có 13 anh chị em (mất 4); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/6/2020. Có mặt tại phiên tòa.

**\*Người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân K:** Ông **Thái Quốc Việt** – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trung Tín, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

**\*Người bị hại:**

- Bà **Phan Thị Hồng V**, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1979. Nơi ĐKNKT: Tổ 3x, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: K8x/8x/3x đường H, tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Kim H**, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 2x, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1989, Trú tại: xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà **Phạm Thị Lệ T**, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm 1978. Trú tại: Số 29x đường C, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Trần Thị Thùy D**, sinh năm 1981. Trú tại: Số 49x/x đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Thùy D: Ông **Hoàng Văn N**, sinh năm 1975. Trú tại: Số 49x/x đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1958. Trú tại: Tổ 1x, khối T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị Phương B**, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ 5x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1964. Trú tại: K36x đường N, tổ 2x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Hoàng Văn N**, sinh năm 1975. Trú tại: Số 49x/x đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Mai Đăng P**, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ 5x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1989. Trú tại: Tổ 6x, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc Q**, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 5x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Mai Thị Cẩm U**, sinh năm 1991. Trú tại: Đường Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà **Mai Thị Cẩm X**, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Đoàn Xuân T**, sinh năm 1954. Trú tại: K35x/H8x/x đường H, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Ông **Phạm T**, sinh năm 1945. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1950. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1967. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông **Phạm Hữu T**, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1961. Trú tại: Tổ 3x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông **Hồ Văn C**, sinh năm 1961. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1953. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông **Phan M**, sinh năm 1966. Trú tại: Tổ 4x, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
- Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1974. Trú tại: Số 3x đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Mặc dù không có đất để chuyển nhượng, nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 09/2019, Mai Xuân K đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là chủ các thửa đất tại phường H để lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người thông qua hình thức nhận tiền đặt cọc. Cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Ngày 24/02/2019, chị Phan Thị Hồng V đã đặt cọc giao cho K số tiền 100.000.000đ để mua lô đất diện tích 100m<sup>2</sup> thuộc thửa 14 tờ bản đồ số 21, tổ 3x phường H. K hứa thời hạn 10 ngày sẽ giao giấy tờ liên quan đến thửa đất cho chị V. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết.

K khai mua lô đất này của một người không rõ lai lịch đứng tên chủ thửa đất là ông Phan Văn T. Tuy nhiên ông T khai không đứng tên thửa đất trên và cũng không có bất kỳ giao dịch gì với K. Xác minh tại UBND phường H xác định: Thửa đất số 14 thuộc tờ bản đồ số 21 diện tích 482m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do ông Phan M\ kê khai quản lý sử dụng theo nghị định 64/CP. Ông Phan Văn Đ (là con ông M) khai ông M đã chết vào năm 2000 và hiện nay thửa đất trên không biết do ai kê khai sử dụng.

**Vụ thứ hai:** Ngày 16/6/2019 qua giới thiệu của Mai Đăng P, chị Võ Thị H đến nhà Mai Xuân K đặt cọc mua lô đất diện tích 80m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 21 tổ 3x, phường H với thỏa thuận K chịu trách nhiệm xây nhà diện tích 30m<sup>2</sup> và các giấy tờ liên quan. Lúc này K không có ở nhà nên nhờ ông Đoàn Xuân T là người giúp việc nhà thay K nhận của chị H số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó ông T giao toàn bộ số tiền lại cho K.

Đến ngày 24/6/2019 K tiếp tục viết giấy nhận cọc của chị H số tiền 220.000.000 đồng để bán lô đất diện tích 80m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 113 tờ bản đồ số 21, tổ 3x, phường H với thỏa thuận K chịu trách nhiệm xây dựng nhà diện tích 30m<sup>2</sup>. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài, chị H đòi lại tiền thì K đã trả cho chị H số tiền 120.000.000 đồng. Xác minh tại UBND phường H xác định thửa

đất số 113 tờ bản đồ số 21 diện tích 134m<sup>2</sup> và thửa đất số 118 tờ bản đồ số 21 diện tích 105m<sup>2</sup> là loại đất hoang bằng, đất chưa sử dụng do UBND phường H quản lý theo nghị định 64/CP.

**Vụ thứ ba:** Ngày 22/07/2019 thông qua sự giới thiệu của Mai Đăng P, anh Nguyễn Kim H đến gặp Mai Xuân K đặt cọc số tiền 250.000.000 đồng để mua lô đất diện tích 80m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 66 tờ bản đồ số 21 tại tổ 3x phường H với thỏa thuận K sẽ lo giấy phép xây dựng nhà cho ông H. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Thửa đất trên K khai mua lại của anh Phan Văn Q đứng tên chủ đất là Phạm B nhưng hiện nay không có giấy tờ gì chứng minh. Mặc khác anh Q khai không có bất kỳ giao dịch nào mua đất với K. Xác minh tại UBND phường H xác định: Thửa đất số 66 tờ bản đồ số 21 là loại đất hai lúa do UBND phường H quản lý và sử dụng theo nghị định 64/CP.

**Vụ thứ tư:** Ngày 5/7/2019 qua sự giới thiệu của chị Trần Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn K đã gặp thỏa thuận mua của K lô đất diện tích 80m<sup>2</sup> thửa đất số 21 tờ bản đồ số 113 tại tổ 3x, phường H và đặt cọc số tiền 250.000.000 đồng. K cam kết xây nhà diện tích 30m<sup>2</sup>, làm giấy tờ nhà, làm hợp đồng điện nước. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Thửa đất trên K khai mua lại của ông Phạm T nhưng hiện nay không có giấy tờ gì chứng minh. Xác minh tại UBND phường H xác định: Theo nghị định số 64/CP và bản đồ địa chính mới thì phường H không có tờ bản đồ số 113. Chị Nguyễn Thị H2 và Trần Thị Thanh H khi môi giới cho K được K trả tiền môi giới 5.000.000 đồng/ người. Chị H2 và H không biết K lừa đảo số tiền này chị H và H2 chưa nộp lại.

**Vụ thứ năm:** Ngày 9/6/2019, K nói dối với chị Phạm Thị Lệ T cần tiền để mua nhà và đất của anh Nguyễn Văn C để bán lại kiếm lời và rủ chị T chung vốn. Tin tưởng K, chị T đã giao cho K số tiền 300.000.000 đồng. K giao cho chị T giấy đặt cọc thể hiện nội dung có mua của anh C lô đất diện tích 102m<sup>2</sup> thuộc thửa 718 tờ bản đồ số 16. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Xác minh số chứng minh theo giấy nhận cọc K giao cho chị T xác định số chứng minh 200102986 do Công an thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ H. Xác minh tại UBND phường H, quận L xác định: Thửa đất số 718 tờ bản đồ số 16 diện tích 784m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do UBND phường H quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP.

**Vụ thứ sáu:** Ngày 1/7/2019, qua giới thiệu của Mai Đăng P, chị Nguyễn Thị Diệu H đã đặt cọc cho K số tiền 430.000.000 đồng để mua lô đất diện tích 110m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 136 tờ bản đồ số 21 tại tổ 3x phường H. K hứa sẽ xây dựng nhà cấp 4 diện tích 50m<sup>2</sup> có gác lửng cho chị H. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Xác minh tại UBND phường H xác định: Thửa đất số 136 thuộc tờ bản đồ số 21 diện tích 714m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do Phạm Văn T kê khai quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP. K khai thửa đất nêu trên K mua lại của ông Phạm Văn T, tuy nhiên ông Phạm Văn T đã khai bán thửa đất này cho một người tên A

(không nhớ lai lịch) khoảng 8 năm trước, ông T hoàn toàn không có việc mua bán đất với Mai Xuân K.

**Vụ thứ bảy:** Ngày 17/7/2019, qua giới thiệu của Mai Đăng P, chị Trần Thị Thùy D đã đặt cọc cho K số tiền 300.000.000 đồng để mua lô đất 119m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 4x, tờ bản đồ số 21 tại tổ 3x, phường H. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Xác minh tại UBND phường H, quận L xác định: Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 21 diện tích 1000m<sup>2</sup> là loại đất màu do bà Lê Thị M kê khai quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP. Ông Hồ Văn C (là con bà M) khai bà M đã chết từ năm 2000 và thửa đất này đã bán từ lâu cho một người (không rõ lai lịch) nhưng không bán cho Mai Xuân K. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết, ngày 01/12/2019, chị Mai Thị Cẩm U (là con gái của K) đã trả cho chị D 20.000.000 đồng.

**Vụ thứ tám:** Ngày 26/7/2019, qua giới thiệu của Mai Đăng P, ông Nguyễn Văn C đã đặt cọc cho K số tiền 350.000.000 đồng để mua lô đất diện tích 100m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21 tại tổ 3x, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng tiêu xài hết. Xác minh tại UBND phường H, quận L xác định: Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 21 diện tích 360m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do ông Hồ Văn C kê khai quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP. Ông Hồ Văn C khai thửa đất này đã bán từ lâu cho một người (không rõ lai lịch) nhưng không bán cho Mai Xuân K.

**Vụ thứ chín:** Ngày 25/8/2019, qua giới thiệu của Trần Thị Thanh H và Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Phương B đã đặt cọc cho K số tiền 300.000.000 đồng mua lô đất diện tích 84m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 114 tờ bản đồ số 21 tại tổ 3x, phường H, quận L. Xác minh tại UBND phường H, quận L xác định: Thửa đất số 114 tờ bản đồ số 21, diện tích 484m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do ông Phan M kê khai quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP. Ông Phan M khai thửa đất này có giấy chứng nhận quyền sử dụng đến tháng 9/2016. Vào năm 2010 ông M có bán cho K ½ diện tích thửa đất trên. Chị Nguyễn Thị H2 và Trần Thị Thanh H khi môi giới cho K được K trả tiền môi giới 5.000.000 đồng/người. Chị H2 và H không biết K lừa đảo. Số tiền này chị H và H2 chưa nộp lại.

**Vụ thứ mười:** Qua giới thiệu của Nguyễn Ngọc Q và một thanh niên tên L không rõ lai lịch, bà Hồ Thị L đã gặp thỏa thuận mua của K lô đất diện tích 180m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 675 tờ bản đồ số 16 tại tổ 3x phường H. Ngày 28/09/2019 K không có ở nhà nên nhờ con gái là Mai Thị Cẩm U nhận giúp số tiền 300.000.000 đồng từ bà L đặt cọc để mua lô đất trên. U không biết việc K chiếm đoạt tiền của bà L. Sau khi nhận tiền K tiêu xài hết. Xác minh tại UBND phường H, quận L xác định: Thửa đất số 675 , tờ bản đồ 16 diện tích 804m<sup>2</sup> là loại đất hai lúa do ông Phạm B kê khai quản lý và sử dụng theo Nghị định 64/CP. K khai thửa đất này mua của một người không rõ lai lịch, đứng tên chủ đất là Phan Văn T. Ông T khai không có kê khai quản lý sử dụng thửa đất trên và không có việc mua bán thửa đất

này. Nguồn gốc thửa đất số 675 tờ bản đồ số 16 diện tích 804m<sup>2</sup> là do ông Phạm B kê khai quản lý và sử dụng. Ông Phạm Hữu T khai ông B chết vào tháng 4/2020 hiện nay ông T không biết thửa đất này do ai quản lý sử dụng và khẳng định cha mình không bán thửa đất này cho K. Nguyễn Ngọc Q khai không được nhận tiền hoa hồng từ việc giới thiệu mua lô đất trên.

***Vật chứng tạm giữ:***

- 05 giấy nhận đặt cọc ghi từ các ngày trong tháng 6/2019 đến tháng 8/2019;
- 01 tờ giấy vỡ ghi giấy nhận tiền cọc từ ngày 24/02/2019.
- 01 tờ giấy hợp đồng đặt cọc ghi ngày 05/07/2019.

Tại Kết luận giám định số 26 ngày 11/03/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ ký mang tên Mai Xuân K và chữ viết có nội dung “Mai Xuân K” trên tài liệu giám định ký hiệu từ A1 – A5 so với chữ ký và chữ viết của Mai Xuân K trên tài liệu mẫu ký hiệu M1&M2 do cùng một người ký và viết ra.

Với nội dung trên, tại Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-P2 ngày 29/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Mai Xuân K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Mai Xuân K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như nội dung Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-P2 ngày 29/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng. Trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Qua đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Mai Xuân K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

***Về hình phạt:***

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; *Xử phạt:* Mai Xuân K mức án tù: 13 năm tù đến 14 năm tù.

*Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo K bồi thường trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại theo yêu cầu. Riêng bị hại Phạm Thị Lệ T, Viện kiểm sát kết luận chỉ có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng chứ không phải 450.000.000 đồng như bị hại yêu cầu.

*Về xử lý vật chứng:* Các tài liệu thu giữ của Mai Xuân K được lưu giữ và đánh số bút lục trong hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Mai Xuân K đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-P2

ngày 29/01/2021 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Thái Quốc Việt bào chữa cho bị cáo có quan điểm bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh, điểm khoản và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có tranh luận về tội danh. Tuy nhiên, luật sư cho rằng khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, trước khi bị khởi tố vụ án bị cáo đã trả bớt 1 phần tiền cho bị hại, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tác động gia đình bồi thường nhằm khắc phục một phần hậu quả đã gây ra, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu bị xét xử, có những đóng góp nhất định cho địa phương trong thời gian làm tổ phó, tổ trưởng dân phố từ năm 2004 đến năm 2009... được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Các người bị hại có mặt tại phiên tòa đều có chung yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo K trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; về hình phạt đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật, riêng bà Hồ Thị L xin xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về tố tụng. Sau khi kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa, HĐXX kết luận các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, luận cứ bào chữa của luật sư, lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Trong thời gian từ tháng 02/2019 đến tháng 9/2019, Mai Xuân K đã đưa thông tin gian dối là có nhiều đất hoa màu ở phường H và có thể xây dựng nhà, làm hợp đồng điện nước và lo các thủ tục liên quan đến nhà đất làm cho nhiều người tin tưởng đặt cọc tiền để mua nhà đất; bằng thủ đoạn trên K đã chiếm đoạt tiền đặt cọc của 10 người với tổng số tiền là 3.050.000.000 đồng ( ba tỷ, không trăm năm mươi

triệu đồng).

Hành vi trên của bị cáo là đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại với số tiền lớn (3 tỷ đồng) nên phạm tội thuộc trường hợp phạm “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó, đối với bị cáo cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất vụ án, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa, răn đe chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, trước khi bị khởi tố vụ án bị cáo đã trả bớt 1 phần tiền 140.000.000 đồng cho 2 bị hại, trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 100.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả đã gây ra; quá trình làm tổ phở, tổ trưởng dân phố từ năm 2004 đến năm 2019 bị cáo có những đóng góp nhất định cho địa phương, được tặng thưởng giấy khen; nhân thân chưa có tiền án tiền sự, lần đầu bị xét xử... Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình nhằm thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] **Về trách nhiệm dân sự:** Tại phiên tòa các bị hại đều có chung yêu cầu buộc bị cáo bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Khánh phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại là phù hợp. Cụ thể:

- Bồi thường cho bà Phan Thị Hồng V số tiền 100.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Võ Thị H số tiền 470.000.000đ, đã bồi thường được 120.000.000đ, còn lại số tiền 350.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Kim H số tiền 250.000.000đ.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 250.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị Lệ T số tiền 300.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diệu H số tiền 430.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 300.000.000đ, đã bồi thường được 20.000.000đ, còn lại số tiền 280.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 350.000.000đ.



- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương B số tiền 300.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Hồ Thị L số tiền 300.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường là 2.910.000.000 đồng, ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo 100.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 2.810.000.000 đồng.

Riêng đối với trường hợp bà Phạm Thị Lệ Tu, quá trình điều tra, đối chất và chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như tranh tụng công khai tại phiên tòa, chỉ có căn cứ xác định bị cáo gian dối thông qua việc giả vờ vay mượn tiền để đầu tư mua đất của ông Nguyễn Văn C chiếm đoạt của bà T 300.000.000 đồng, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bị cáo còn nhận cọc của bà Tu 250.000.000 đồng cho một lô đất khác và mới chỉ trả lại cho bà T 100.000.000 đồng như lời khai của bà T. Tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện, tại đơn tố cáo đề ngày 23/10/2019 bà T xác định giao cho bị cáo 2 lần tiền, một lần 200.000.000 đồng, một lần 450.000.000 đồng, bị cáo trả lại 200.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng chưa trả; biên bản ghi lời khai ngày 08/11/2019 bà T lại khai giao cho bị cáo 450.000.000 đồng để hùn tiền mua đất của ông C; tại biên bản ghi lời khai ngày 26/10/2020 bà T lại khai giao cho bị cáo K 2 lần tiền, một lần 300.000.000 đồng, một lần 150.000.000 đồng (số tiền 150.000.000 đồng là do em rể của bà tên M đưa cho bị cáo K); tại phiên tòa công khai, bà T lại khai đưa cho bị cáo K 2 lần tiền, một lần 300.000.000 đồng, một lần 250.000.000 đồng, bị cáo mới trả lại 100.000.000 đồng, còn lại 450.000.000 đồng chưa trả; lời khai của bà T là mâu thuẫn, trước sau bất nhất; bị cáo K không thừa nhận lời khai của bà T. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường 450.000.000 đồng, mà chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo bồi thường 300.000.000 đồng cho bà T.

[5] **Về xử lý vật chứng:** Đối với: 05 giấy nhận đặt cọc ghi từ các ngày trong tháng 6/2019 đến tháng 8/2019, 01 tờ giấy vờ ghi giấy nhận tiền cọc từ ngày 24/02/2019 và 01 tờ giấy hợp đồng đặt cọc ghi ngày 05/07/2019 thu giữ của bị cáo Mai Xuân K là tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên cần tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

**[6] Đối với những vấn đề khác và biện pháp tư pháp trong vụ án:**

Đối với Mai Đăng P, Nguyễn Ngọc Q, Trần Thị Thanh H, Nguyễn Thị H được K trả tiền hoa hồng. Mai Thị Cẩm U (*con gái K*), Đoàn Xuân T giúp K nhận tiền cọc, nhưng những người này không biết thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của K, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở. Do vậy, cũng không có căn cứ để xem xét dấu hiệu đồng phạm và việc liên đới bồi thường của bà Mai Thị Cẩm U, Lê Thị P và Đoàn Xuân T theo yêu cầu của một số người bị hại.

Đối với số tiền môi giới mà Mai Xuân K đưa cho Mai Đăng P, Nguyễn Thị H2 và Trần Thị Thanh H, nguồn gốc số tiền là từ việc phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử sẽ truy thu để đảm bảo thi hành án cho những người bị hại.

Không có căn cứ để xác định ông Mai Đăng P có nhận 50.000.000 đồng tiền môi giới hoa hồng từ việc giới thiệu bà Hồ Thị L đặt cọc mua đất từ bị cáo K.

Trong vụ án này, Mai Xuân K có nhận tiền để xây nhà cho ông Hồ Văn T nhưng công việc không thực hiện được đến cùng do khu đất ở trong vùng giải tỏa và hiện còn thiếu ông T số tiền 54.000.000 đồng, xét thấy đây là quan hệ dân sự nên không HĐXX đề cập xử lý. Ông T có thể khởi kiện vụ án dân sự khác để đòi lại số tiền này.

[7] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bà Phạm Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 150.000.000 đồng yêu cầu bồi thường không được Tòa chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo **Mai Xuân K** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1. **Căn cứ:** Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** **Mai Xuân K 13 (Mười ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 04/6/2020.

2. **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự ; Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo **Mai Xuân K** phải có trách nhiệm bồi thường trả lại cho các người bị hại. Cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Phan Thị Hồng V số tiền 100.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Võ Thị H số tiền 470.000.000đ, đã bồi thường được 120.000.000đ, còn lại số tiền 350.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Kim H số tiền 250.000.000đ.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn K số tiền 250.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Phạm Thị Lệ T số tiền 300.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diệu H số tiền 430.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Trần Thị Thùy D số tiền 300.000.000đ, đã bồi thường được 20.000.000đ, còn lại số tiền 280.000.000đ buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường.
- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 350.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương B số tiền 300.000.000đ.
- Bồi thường cho bà Hồ Thị L số tiền 300.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo phải bồi thường là 2.910.000đ, ghi nhận gia đình bị cáo đã bồi thường thay cho bị cáo 100.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 2.810.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Lệ T về việc buộc bị cáo Mai Xuân K phải bồi thường thêm số tiền 150.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm bồi thường thì phải chịu thêm khoản tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### 3. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu của ông Mai Đăng P số tiền 4.000.000 đồng; truy thu của bà Trần Thị Thanh H số tiền 8.500.000 đồng; truy thu của bà Nguyễn Thị H2 số tiền 8.500.000 đồng, để đảm bảo thi hành án nghĩa vụ bồi thường của bị cáo Mai Xuân K.

- Tiếp tục quy trừ số tiền 100.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Mai Xuân K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000910 ngày 18/3/2021 tại Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng, để đảm bảo thi hành án.

**4. Về án phí:** Bị cáo Mai Xuân K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 88.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị Lệ T phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản sao bản án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Sở tư pháp Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Long**

